

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST.

Ngày: 30-9-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Dũng

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Cấp Cao và bà Sào Thị Lưu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 82/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 06 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà S, đường P, phường B, quận B, thành phố H.

***Đại diện theo pháp luật:*** ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc

***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** ông Bùi Thế H (có mặt), sinh năm 1989

Địa chỉ: Tầng A tòa nhà P, đường U, phường B, quận B, thành phố H.

***- Bị đơn:*** Ông Lang Văn T (vắng mặt), sinh năm 1971 và bà Lương Thị X (có đơn xin xét xử vắng mặt), sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:***

Ngân hàng TMCP Q (V) đã ký với hợp ông Lang Văn T và bà Lương Thị X các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0686.HĐTD1.410.19 ký ngày 10/04/2019 với nội dung: V cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X vay số tiền 500,000,000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định chăm sóc vườn cà phê, hồ tiêu kinh doanh khai thác hạt; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 12/04/2024. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 10,7%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 2,3%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: ngày 12/04/2020 trả 50.000.000 đồng, ngày 12/04/2021 trả 50.000.000 đồng, ngày 12/04/2022 trả 100.000.000 đồng, ngày 12/04/2023 trả 100.000.000 đồng, ngày 12/04/2024 trả 200.000.000 đồng. Ngày trả lãi: hàng quý vào ngày 12, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 12/07/2019. Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ

Hợp đồng tín dụng số 4839206.20 ký ngày 25/04/2020 với nội dung: V cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X vay số tiền 50.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định chăm sóc vườn cà phê, hồ tiêu kinh doanh khai thác hạt; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 04/05/2025. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 11,7%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,5%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: ngày 04/05/2021 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2024 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2025 trả 10.000.000 đồng. Ngày trả lãi: hàng quý vào ngày 4, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 04/08/2020. Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ.

Tính đến ngày 05/09/2022, ông Lang Văn T và bà Lương Thị X đã trả cho V số tiền tổng cộng là 146.893.672 đồng (trong đó: nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 96.893.672 đồng)

Khi vay có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: thửa đất số 89, 93, tờ bản đồ số 107, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966397, sổ vào sổ cấp GCN: CS08921 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 111, địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966372, sổ vào sổ cấp GCN: CS08919 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông T và bà X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc vào ngày 27/02/2020, do đó Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản vay của bị đơn và yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ

số nợ tính đến ngày 30/9/2022 là 635.217.561 đồng, trong đó gốc 500.000.000 đồng tiền gốc và 31.277.808 đồng lãi trong hạn, 103.939.753 đồng lãi quá hạn.

Trường hợp ông T và bà X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 89, 93 tờ bản đồ số 107, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966397, sổ vào sổ cấp GCN: CS08921 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 111, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966372, sổ vào sổ cấp GCN: CS08919 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

**2. Đối với bị đơn Lang Văn T và bà Lương Thị X:** Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X, bà X đã nhận và cam kết giao lại cho ông T nhưng ông T đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị X trình bày: Ông, bà thừa nhận có vay của ngân hàng số tiền như yêu cầu của ngân hàng, khi vay ông bà có thể chấp cho Ngân hàng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm thửa đất số 89,93, tờ bản đồ số 107, địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966397, sổ vào sổ cấp GCN: CS08921 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 111, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966372, sổ vào sổ cấp GCN CS08919 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng cho ông bà được trả dần do hiện tại ông bà không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp ông bà không trả hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý giao cho Ngân hàng toàn bộ tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 635.217.561 đồng, trong đó: nợ 500.000.000 đồng tiền gốc, 31.277.808 đồng tiền lãi trong hạn và 103.939.753 đồng lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông T và bà X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 89, 93 tờ bản đồ số 107, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966397, số vào sổ cấp GCN: CS08921 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 111, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966372, số vào sổ cấp GCN: CS08919 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí dân sự: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lang Văn T và bà Lương Thị X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông T đã được bà X thông báo lại (được triệu tập hợp lệ) nhưng không hợp tác để giải quyết vụ án, vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do, bà X đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

## 2. Về nội dung tranh chấp:

### 2.1. Về hợp đồng tín dụng:

[4]Theo hợp đồng tín dụng số 0686.HĐTD1.410.19 ký ngày 10/04/2019 với nội dung: V cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X vay số tiền 500,000,000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định chăm sóc vườn cà phê, hồ tiêu kinh doanh khai thác hạt; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 12/04/2024. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 10,7%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 2,3%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: ngày 12/04/2020 trả 50.000.000 đồng, ngày 12/04/2021 trả 50.000.000 đồng, ngày 12/04/2022 trả 100.000.000 đồng, ngày 12/04/2023 trả 100.000.000 đồng, ngày 12/04/2024 trả 200.000.000 đồng. Ngày trả lãi: hàng quý vào ngày 12, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 12/07/2019. Và Hợp đồng tín dụng số 4839206.20 ký ngày 25/04/2020 với nội dung: V cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X vay số tiền 50.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định chăm sóc vườn cà phê, hồ tiêu kinh doanh khai thác hạt; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 04/05/2025. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 11,7%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,5%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: ngày 04/05/2021 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2024 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/05/2025 trả 10.000.000 đồng. Ngày trả lãi: hàng quý vào ngày 4, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 04/08/2020. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với hợp đồng tín dụng số 0686.HĐTD1.410.19: vào ngày 12/4/2021, khi đến hạn trả nợ gốc số tiền 50.000.000 đồng theo thỏa thuận nhưng ông T và bà X không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 7 của đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự; Đối với hợp đồng tín dụng số 0686.HĐTD1.410.19: vào ngày 04/5/2021 đến hạn thanh toán gốc số tiền 10.000.000 đồng nhưng ông T và bà X không thực hiện đúng theo thỏa thuận Điều 7 của đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín

dụng các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần Q chuyển toàn bộ món nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông Lang Văn T và bà Lương Thị X phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc của cả hai Hợp đồng tín dụng là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

[6]Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và ông T bà X theo hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử là ngày 30/9/2022, cụ thể: nợ lãi trong hạn 31.277.808 đồng (*Ba mươi một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng*), nợ lãi quá hạn là 103.939.753 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*). Ông T và bà X phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi trả xong nợ.

## 2.2. Đối với tài sản thế chấp:

[7]Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, ông T và bà X đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 89, 93 tờ bản đồ số 107, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966397, số vào sổ cấp GCN: CS08921 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 111, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO966372, số vào sổ cấp GCN: CS08919 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X, được công chứng tại Văn phòng công chứng V số 3798, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/4/2019 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[8]Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22 và 26/8/2022 xác định các thửa đất số 89,93, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 111, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Đúng tên ông Lang Văn T và bà Lương Thị X phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

[9]3. Đối với ông Lang Văn T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) nhưng không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10]4. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.410.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 12.708.000 đồng.

[11]5. Về các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[12]Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (nguyên đơn) đối với ông Lang Văn T và bà Lương Thị X (bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Lang Văn T và bà Lương Thị X phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2022) với tổng số tiền là 635.217.561 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm sáu mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 31.277.808 đồng (*Ba mươi một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng*) và nợ lãi quá hạn là 103.939.753 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo (01/10/2022) của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lang Văn T và bà Lương Thị X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Lang Văn T và bà Lương Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 89, 93 tờ bản đồ số 107, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966397, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 111, địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 966372, sổ vào sổ cấp GCN: CS08919 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/12/2018 cho ông Lang Văn T và bà Lương Thị X.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lang Văn T và bà Lương Thị X phải nộp số tiền 29.410.000 đồng (*Hai mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 12.708.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng*) theo biên lai số 0000928 ngày 22/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Lang Văn T và bà Lương Thị X có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Trung Dũng**